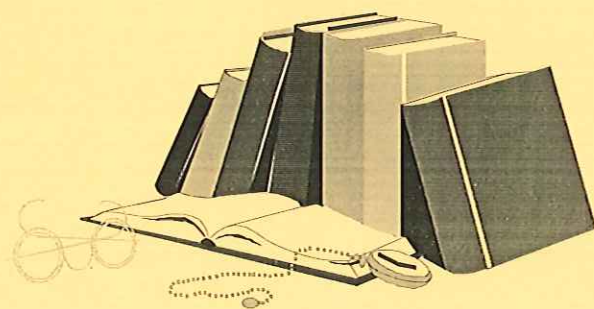


ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA



QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ

NĂM 2024



Số 111/QĐ-MNSC

Tân Bình, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Luật đấu thầu.

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 06 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư Số 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thành lập Trường Mầm non Sơn Ca;



Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Mầm non Sơn Ca giai đoạn 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 ;

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1479/GDĐT-TCKH ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo và Phòng Tài chính – Kế hoạch về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 80/MNSC ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Trường Mầm non Sơn Ca về việc xây dựng dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của Trường Mầm non Sơn Ca đã thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch;

Căn cứ biên bản họp toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trường Mầm non Sơn Ca về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 ngày 14 tháng 10 năm 2024;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Hiệu trưởng trường Mầm non Sơn Ca ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này là “Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của Trường Mầm non Sơn Ca”.

Điều 2: Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 08 năm 2024

Điều 3: Toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Tân Bình;
- Phòng TC-KH Tân Bình;
- Kho Bạc NN Tân Bình;
- Điều 3
- Lưu: KT, VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Thảo

QUY CHẾ

CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2024

(Ban hành theo Quyết định số 111/QĐ-MNSC ngày 16 tháng 10 năm 2024)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Những quy định chung

Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm và được giao quyền tự chủ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng tại trường Mầm non Sơn Ca là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Mức tự đảm bảo chi thường xuyên 11,20% thuộc nhóm 3 (có mức tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên).

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hàng năm bao gồm các nguồn tài chính quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2, khoản 3 (phần được để lại để chi thường xuyên phục vụ công tác thu phí) và khoản 5 Điều 15 Nghị định 60/2021/NĐ-CP và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị.

Điều 2: Mục đích xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Thực hiện quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho viên chức, người lao động của Trường.

2. Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Hiệu trưởng giúp cán bộ, viên chức của trường hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Thúc đẩy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng biên chế và kinh phí trong nhà trường; thực hiện chương trình hành động phòng chống tham nhũng tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

4. Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

5. Sử dụng nguồn tài chính của trường đúng mục đích, có hiệu quả.

6. Tạo công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 3: Nguyên tắc, nội dung xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo trong hành lang pháp lý

Quy chế chi tiêu nội bộ do Thủ trưởng cơ quan ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức Công đoàn đơn vị. Quy chế chính thức phải được thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Trường.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi đến Cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát thực hiện đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi theo Thông tư 17/2024/TT-BTC.

3. Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong Trường, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả, tăng cường công tác quản lý và phù hợp với hoạt động đặc thù của Trường.

4. Thủ trưởng được quyết định mức chi quản lý và chi nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định (phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính hiện có của nhà trường đối với các nguồn thu sự nghiệp khác phát sinh tại trường).

5. Thủ trưởng căn cứ tính chất công việc, khối lượng công việc tình hình thực hiện của năm trước, quyết định phương thức khoán chi phí cho từng cá nhân, bộ phận như: sử dụng văn phòng phẩm, khoán điện thoại, khoán công tác phí nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí của nhà trường.

6. Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị, cá nhân phải bảo đảm có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật, trừ các khoản thanh toán văn phòng phẩm, chi phí thuê mượn vận chuyển thanh toán công tác phí được Trường thực hiện chế độ khoán theo Quy chế chi tiêu nội bộ;

7. Không được dùng kinh phí của Trường để mua sắm thiết bị, đồ dùng, tài sản trang bị tại nhà riêng hoặc cho cá nhân mượn để sử dụng cho việc riêng dưới bất kỳ hình thức nào.

8. Trong trường hợp có sự thay đổi tiêu chuẩn, định mức chi theo chế độ từng khoản chi của nhà nước thì Thủ trưởng có thể điều chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội nghị liên tịch.

9. Toàn bộ nguồn thu, nội dung chi, trường thống nhất quản lý và hạch toán theo quy định của Luật kế toán 88/2015/QH13 Ngày 20/11/2015 có hiệu lực 01/01/2017 và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 4. Căn cứ pháp lý để xây dựng quy chế

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Luật đấu thầu.

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023QH15 ngày 24 tháng 06 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư Số 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thành lập Trường Mầm non Sơn Ca;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Mầm non Sơn Ca giai đoạn 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 ;

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 1479/GDĐT-TCKH ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính – Kế hoạch về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ biên bản họp toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trường Mầm non Sơn Ca về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 ngày 14 tháng 10 năm 2024;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Hiệu trưởng trường Mầm non Sơn Ca;

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NGUỒN THU

Điều 5: Nguồn thu ngân sách Nhà nước cấp tự chủ

Kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp chi hoạt động thường xuyên thực hiện nhiệm vụ hàng năm do cấp có thẩm quyền giao theo mã Chương 622; Ngành 071; mã nguồn kinh phí tự chủ 13 và nguồn cải cách tiền lương 14:

Ngân sách cấp:

a. Tồn năm 2023 chuyển sang : 0 đồng

b. Kinh phí thường xuyên giao tự chủ năm 2024 : 617.934.000 đồng

Trong đó:

- Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ : 617.934.000 đồng

- Nguồn Cải cách tiền lương Ngân sách cấp : đồng

+ 10% tiết kiệm chi thường xuyên : 0 đồng

+ Ngân sách phân bổ : 0 đồng

+ Nghị quyết 08 : 0 đồng

Điều 6: Nguồn thu sự nghiệp (dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước)

1. **Nguồn thu học phí:** Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân TP Hồ Chí Minh về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Mức thu từ phụ huynh học sinh: 86.400.000 đồng

- Khối mẫu giáo: 60 học sinh

Mức thu: $160.000/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng} \times 60\text{hs} = 86.400.000 \text{ đồng}$

Ghi chú: Tổng thu tùy theo tình hình đi học thực tế theo tháng của HS

2. **Thu tiền dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước** (Các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chỉ đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục):

+ Từ ngày 01/09/2024 đến ngày 31/12/2024 áp dụng theo kế hoạch thu chi năm học 2024-2025 (đã thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo và thống nhất với từng phụ huynh học sinh).

2.1. Kế hoạch thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

2.1.1. Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú: 159.783.000 đồng

- Số lượng HS : 60 HS

- Mức thu: 296.000đ/hs/tháng

Số tiền = $60\text{hs} \times 296.000\text{đ} \times 9 \text{ tháng} = 159.783.000 \text{ đồng}$

2.1.2. Dịch vụ phục vụ ăn sáng: 91.800.000 đồng

- Số lượng HS : 60 HS

- Mức thu: 170.000đ/tháng

Số tiền = $60\text{hs} \times 170.000\text{đ} \times 9 \text{ tháng} = 189.210.000 \text{ đồng}$

2.1.3. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu : 1.380.000 đồng

- Số lượng HS : 60HS

- Mức thu: 23.000đ/HS/năm

Số tiền = $60 \text{ hs} \times 23.000\text{đ} = 1.380.000 \text{ đồng}$

2.1.4. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 10.800.000 đồng

- Số lượng HS : 60HS

- Mức thu: 20.000đ/HS/tháng

$$\text{Số tiền} = 60 \text{ hs} * 9 * 20.000\text{đ} = 10.800.000 \text{ đồng}$$

2.2. Kế hoạch thu các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác

2.2.1. Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống: 37.920.000 đồng

- Số lượng HS đăng ký: 60HS

- Mức thu: 79.000đ/hs/tháng

$$\text{Số tiền} = 60\text{hs} * 79.000\text{đ} * 8 \text{ tháng} = 37.920.000.000 \text{ đồng}$$

2.2.2 Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài: 64.000.000 đồng

- Số lượng HS đăng ký: 20HS

- Mức thu: 400.000đ/hs/tháng

$$\text{Số tiền} = 20\text{hs} * 400.000\text{đ} * 8 \text{ tháng} = 64.000.000 \text{ đồng}$$

2.3. Kế hoạch thu các khoản thu cho cá nhân học sinh

2.3.1. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: 15.840.000 đồng

- Số lượng HS : 60 HS

- Mức thu: 264.000đ/HS/năm

$$\text{Số tiền} = 60\text{hs} * 264.000\text{đ} = 15.840.000 \text{ đồng}$$

2.3.2. Tiền mua sắm đồng phục học sinh: 12.000.000 đồng

- Số lượng HS : 60HS

- Mức thu: 200.000đ/HS/bộ

$$\text{Số tiền} = 60 \text{ hs} * 200.000\text{đ} = 12.000.000 \text{ đồng}$$

2.3.3. Tiền học phẩm: 3.000.000 đồng

- Số lượng HS : Mẫu giáo: 60 HS

- Mức thu: 50.000đ/HS/năm

$$\text{Số tiền} = 60 \text{ hs} * 50.000\text{đ} = 3.000.000 \text{ đồng}$$

2.3.4. Tiền học cụ - học liệu: 24.000.000 đồng

- Số lượng HS : Mẫu giáo: 60HS

- Mức thu: 400.000đ/HS/năm

$$\text{Số tiền} = 60 \text{ hs} * 400.000\text{đ} = 24.000.000 \text{ đồng}$$

2.3.5. Tiền suất ăn trưa bán trú: 399.600.000 đồng

- Số lượng HS : 60 HS

- Mức thu: 37.000đ/HS/ngày

$$\text{Số tiền} = 60\text{hs} * 37.000\text{đ} * 20 \text{ ngày} * 9 \text{ tháng} = 399.600.000 \text{ đồng}$$

2.3.6. Tiền suất ăn sáng: 216.000.000 đồng

- Số lượng HS : 60 HS

- Mức thu: 20.000đ/HS/ngày

$$\text{Số tiền} = 60\text{hs} * 20.000\text{đ} * 20 \text{ ngày} * 9 \text{ tháng} = 216.000.000 \text{ đồng}$$

2.3.7. Tiền nước uống: 9.180.000 đồng

- Số lượng HS : 60 HS

- Mức thu: 17.000đ/HS/tháng

Số tiền = 60hs*17.000đ *9 tháng = 9.180.000 đồng

Ghi chú: Tổng thu phụ thuộc vào số lượng học sinh có thể thay đổi tùy tình hình nhập học thực tế.

3. Các khoản thu khác:

+ Lãi tiền gửi ngân hàng: 5.000 -500.000 đồng.

Mục 2

NỘI DUNG CHI

Điều 7: Nội dung chi thường xuyên giao tự chủ

1. Chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ được giao từ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: căn cứ khoản 2, điều 5 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề.

2. Chi từ nguồn dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước: căn cứ khoản 3, điều 6 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các khoản chi để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ; phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ Tự Kiểm tra Tài chính, kế toán đầy đủ, định kỳ; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai được Nhà nước giao quản lý, sử dụng; nguồn tài chính tại đơn vị theo quy định của pháp luật

Điều 8: Các nội dung thanh toán cá nhân

Mục 6000: Tiền lương : 300.000.000 - 370.000.000đ

Trường đảm bảo mức lương cơ bản theo quy định hiện hành cho CC-VC-NLĐ:

Tiền lương = Hệ số lương x Mức lương cơ sở

Mục 6100 : Phụ cấp lương: 150.000.000 - 190.000.000đ

- Phụ cấp chức vụ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó thực hiện theo quy định Nhà nước: Hệ số * mức lương cơ sở

+ Hiệu trưởng: 0,35

+ Phó hiệu trưởng: 0,25

+ Tổ trưởng chuyên môn: 0,2

- Phụ cấp ưu đãi: Theo quy định của ngành

(Giáo viên trực tiếp đứng lớp, Ban giám hiệu được phân công dạy: 35%)

Thực hiện theo Thông tư số 01/2006/TTLT-BGD-BNV-BTC ngày 23/01/2006 về chế độ ưu đãi đối với các nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

Đối tượng được hưởng:

+ Giáo viên (kể cả những người trong thời gian thử việc, hợp đồng) thuộc biên chế trả lương đang trực tiếp giảng dạy tại trường.

+ Cán bộ quản lý thuộc biên chế trả lương của trường trực tiếp giảng dạy hoặc tham gia các công việc tương đương được quy đổi.

Cán bộ quản lý và giáo viên trực tiếp giảng dạy: 35%

+ *Mức tiền phụ cấp ưu đãi nghề:*

Mức tiền
phụ cấp ưu
đãi nghề = Hệ số lương ngạch bậc + Hệ số
phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt
khung (nếu có) x Mức lương
cơ sở do Nhà
nước quy
định X 35%

+ *Nguyên tắc thực hiện:* Phụ cấp ưu đãi nghề được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để đóng, hưởng chế độ bảo hiểm.

Các trường hợp không hưởng phụ cấp ưu đãi nghề:

+ Thời gian đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

+ Thời gian đi công tác, học tập ở trong nước không tham gia giảng dạy liên tục trên 3 tháng;

+ Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên;

+ Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Điều lệ bảo hiểm xã hội hiện hành;

+ Trong thời gian bị đình chỉ dạy; bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Phụ cấp vượt khung: Theo quy định

- Phụ cấp thâm niên nhà giáo: Theo quy định : Chi phụ cấp thâm niên nghề cho cán bộ, giáo viên trực tiếp đứng lớp có thời gian công tác trên **60 tháng**

Chi % PC thâm niên nhà giáo cho CB-GV: $(HSL + PCCV + PCTNVK) \times MLCS \times 12 \text{ tháng}$

Phụ cấp trách nhiệm: theo quy định.

• **Kế toán:** $0.1 \times MLCS / \text{tháng}$

- Phụ cấp làm thêm giờ: + Giáo viên: theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/02/2013 và Bộ Luật lao động năm 2019.

+ Nhân viên (VT,KT) : Bộ Luật lao động năm 2019

- Phụ cấp khác: theo quy định.

Mục 6200 : Tiền Thưởng: 5.000.000 – 9.600.000đ

Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

+ Đối với cá nhân:

- Chiến sĩ thi đua quận : 1 lần x MLCS

- Lao động tiên tiến, chiến sĩ tiên tiến : 0,3 lần x MLCS

+ Đối với tập thể:

- Tập thể lao động xuất sắc: 1,5 lần x MLCS

- Tập thể lao động tiên tiến: 0,8 lần x MLCS

Mục 6300 : Các khoản đóng góp: 50.000.000 – 105.000.000đ

Trích nộp kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 9: Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

a) Đối với đối tượng là viên chức:

Chi thu nhập tăng thêm viên chức theo quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại cán bộ viên chức của nhà trường năm 2024 và được tính từng quý như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024;

1. Đánh giá: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

Hệ số thu nhập tăng thêm là **1.5** lần tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ:

(Hệ số lương + Phụ cấp chức vụ + Phụ cấp thâm niên vượt khung) x 1.5 x MLCS

2. Đánh giá: Hoàn thành tốt nhiệm vụ:

Hệ số thu nhập tăng thêm là **80%** của **1.5** lần tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ:

(Hệ số lương + Phụ cấp chức vụ + Phụ cấp thâm niên vượt khung) x 1.5 x 80% x MLCS

- Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị.

b) Đối với đối tượng được chi thu nhập tăng thêm theo mức tiền cụ thể:

- Đối với đối tượng là người được tuyển dụng vào làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập do Thủ trưởng đơn vị trực tiếp ký hợp đồng thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Không có.

Điều 10: Các nội dung chi hoạt động

Mục 6250 : Phúc lợi tập thể: 2.000.000đ – 5.000.000đ

- Tiền nước uống : 500.000đ – 3.000.000đ/năm
- Các khoản khác: 1.000.000đ – 2.000.000đ/năm

Mục 6500 : Thanh toán dịch vụ công cộng: 10.000.000 – 20.000.000đ

Tăng cường các biện pháp quản lý nhằm tiết kiệm điện ,nước thông qua các định mức cụ thể :

- Điện: Các GV, CNV ra khỏi phòng phải tắt các thiết bị sử dụng điện (quạt, đèn...) 8.000.000đ- 12.000.000đ/năm

- Nước: Các bộ phận thường xuyên kiểm tra việc sử dụng nước, các hệ thống đóng, khóa, mở nguồn nước: 2.000.000đ - 7.000.000đ/năm

- Vệ sinh, môi trường xét nghiệm mẫu nước, đổ rác, thuốc hủy mầm cầu, chống mối mọt, thuốc trừ sâu, thuốc xịt kiến muỗi chuột thuốc trừ cỏ, phân bón cây và các vật dụng vệ sinh thanh toán theo thực tế: 1.000.000đ/năm

Mục 6550 : Vật tư văn phòng : 15.000.000 - 17.500.000đ/năm

Căn cứ giấy đề nghị mua Văn phòng phẩm được Thủ trưởng duyệt, cấp phát theo thực tế sử dụng cho các hoạt động quản lý chuyên môn của nhà trường .

- Văn phòng phẩm: 5.000.000đ -12.000.000đ/năm
- Công cụ, dụng cụ,...: 1.000.000đ- 2.000.000đ/năm
- Vật tư văn phòng khác (bao rác, găng tay y tế, nước rửa tay xịt khuẩn, thuốc xịt muỗi, tẩy Javel,...): 1.000.000đ - 3.500.000 đ/năm

Mục 6600: Thông tin tuyên truyền - liên lạc: 4.000.000 - 6.000.000đ/năm

Hiệu trưởng có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng phương tiện thông tin liên lạc trong đơn vị mình.

- Internet : 2.400.000đ/năm
- Tiền điện thoại: 2.000.000đ/năm
- Sách báo tạp chí thư viện : 500.000đ- 1.500.000 đ/năm

Mục 6700 : Công tác phí : 5.000.000/năm

- Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị: Viên chức thường xuyên đi công tác, giao dịch trong tháng được khoán tiền công tác phí 500.000 đồng/tháng để mua nhiên liệu và phí gửi xe, bao gồm:

Kế toán : 500.000 đ / người/tháng

Văn Thư : 500.000 đ / người/tháng

Mục 6750 : Chi phí thuê mướn: 60.000.000 - 63.000.000 đ/năm

- Thuê mướn lao động ngắn hạn : 2.000.000 - 4.960.000 đ/người/tháng
- Thuê đào tạo lại cán bộ: 5.000.000đ/năm
- Học bồi dưỡng thường xuyên : 8.400.000 đ/năm

Mục 7000 : Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành: 20.000.000 – 65.000.000/năm

Chi theo nhu cầu thực tế phục vụ cho các hoạt động nâng cao chuyên môn nghiệp vụ , giảng dạy và học tập của học sinh trên cơ sở các quy định hiện hành của nhà nước như :

- Chi mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin: 10.000.000 đ- 34.000.000 đ/năm .
- Trang bị đồng phục, trang phục cho CB – GV – NV trường: 300.000 - 700.000đ/người/năm.
- Chi mua sách dùng cho chuyên môn: 1.000.000 – 2.000.000đ/năm.
- Chi phí khác (chi mua thuốc y tế học sinh; Vệ sinh phòng dịch: tẩy Javel, nước rửa tay, tẩy con vịt, nước lau sàn, chén, ly...; Khen thưởng các hoạt động Lễ hội cho học sinh: Khai giảng, Trung thu, 20/11, 22/12, 24/12,...): 10.000.000 đ - 22.300.000 đ/năm.

Điều 11: Nội dung chi từ nguồn thu sự nghiệp (dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước)

Ghi chú: Mức chi có thể chênh lệch do số lượng HS nhập học thực tế

1. Chi từ nguồn thu học phí

- Chi trích cải cách tiền lương: theo quy định hiện hành
- Chi thanh toán cá nhân, bộ phận gián tiếp: 25.920.000 đồng (30%)
- + Giáo viên dạy trực tiếp: 16.200.000 đồng
6 người x 300.000đ x 9 tháng
- + Chi ban giám hiệu (HT, PHT), bộ phận hành chính (VT, KT): 10.800.000 đồng
4 người x 300.000đ x 9 tháng
- Chi chuyên môn nghiệp vụ: 24.000.000 (28%)
 - Mua sắm vật tư, hoá chất, đồ dùng dạy học: 10.000.000 đồng
 - Tiền điện, nước: 5.000.000 đồng
 - Vệ sinh môi trường: 2.000.000 đồng
 - Vật tư văn phòng: 5.000.000 đồng
 - Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị, thuốc y tế, tẩy giun: 2.000.000 đồng

- Thuế TNDN: 1.728.000 đồng (2%)

2. Chi từ nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (Các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục):

2.1. Kế hoạch chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

2.1.1. Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú: 159.783.000 đồng

- Chi thanh toán cá nhân: 64.800.000 đồng (40.9%)

- + Giáo viên dạy trực tiếp: 64.800.000 đồng

6 người x 500.000 – 2.000.000đ/tháng x 9 tháng

- Chi cho bộ phận gián tiếp quản lý công tác bán trú: 43.200.000 đồng (27%)

- + Chi ban giám hiệu (HT, PHT) : 21.600.000 đồng (13.6%)

2 người x 500.000 – 2.000.000/tháng x 9 tháng

- + Chi bộ phận hành chính, nhân viên hỗ trợ công tác bán trú (VT, KT): 21.600.000 đồng (13.6%)

2 người x 500.000 – 2.000.000/tháng x 9 tháng

- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: 48.150.000 (30.1%)

- + Điện, nước: 9.000.000 đồng (5.6%)

- + Chi mua vệ sinh bán trú, vật tư văn phòng: 11.700.000 đồng (7.3%)

- + Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị: 27.450.000 (17.2%)

- Thuế TNDN: 3.133.000 đồng (2%)

- Khấu hao tài sản cố định (tỷ lệ do trường xác định): 500.000 (0.3%)

2.1.2. Dịch vụ phục vụ ăn sáng: 91.800.000 đồng

- Chi thanh toán cá nhân: 89.460.000 đồng (97.5%)

- + Giáo viên dạy trực tiếp: 54.000.000 đồng (58.8%)

6 người x 500.000 - 1.000.000đ/tháng/người x 9 tháng

- Chi cho bộ phận gián tiếp quản lý công tác bán trú: 18.000.000 đồng (39.2%)

- + Chi ban giám hiệu (HT, PHT) : 18.000.000 đồng (19.6%)

2 người x 500.000 - 1.000.000đ/tháng/người x 9 tháng

- + Chi bộ phận hành chính, nhân viên hỗ trợ công tác bán trú (VT, KT): 17.460.000 đồng (19%)

2 người x 500.000 - 1.000.000đ/tháng/người x 9 tháng

- Thuế TNDN: 1.840.000 đồng (2%)

- Khấu hao tài sản cố định (tỷ lệ do trường xác định): 500.000 (0.3%)

2.1.3. Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu (bao gồm khám nha học đường): 1.380.000 đồng

- Thanh toán tiền khám sức khỏe học sinh: 1.352.400 đồng (98%)

- Thuế TNDN: 27.600 đồng (2%)

2.1.4. Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 10.800.000 đồng

- Thanh toán phí sở liên lạc điện tử: 10.584.000 đồng (98%)

- Thuế TNDN: 216.000 đồng (2%)

2.2. Kế hoạch chi các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác

2.2.1. Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống: 37.920.000 đồng

- Chi thanh toán GV giảng dạy trực tiếp – GV hợp đồng công ty thuê ngoài: 34.128.000 đồng (90%)
- Chi nghiệp vụ chuyên môn: 1.600.000 đồng (4.2%)
 - + Chi mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học: 1.600.000 đồng
- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: 1.249.440 đồng (3.3%)
 - + Vật tư văn phòng: 1.249.440 đồng
- Thuế TNDN: 742.560 đồng (2%)
- Khấu hao TSCĐ (tỷ lệ do trường xác định): 200.000đ

2.2.2 Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài: 64.000.000 đồng

- Chi thanh toán GV giảng dạy trực tiếp – GV hợp đồng công ty thuê ngoài: 56.320.000 đồng (88%)
- Chi cho bộ phận gián tiếp: 4.800.000 đồng (7.5%)
 - + Chi ban giám hiệu (HT, PHT) : 960.000 (1.5%)
2 người x 50.000 - 200.000đ x 8 tháng
 - + Chi bộ phận hành chính, nhân viên hỗ trợ công tác (VT, KT): 960.000 đồng (1.5%)
2 người x 50.000 - 200.000đ x 8 tháng
 - + Chi bộ phận giáo viên gián tiếp hỗ trợ: 2.880.000 đồng (4.5%)
HS x 50.000 - 200.000đ x 8 tháng
- Chi nghiệp vụ chuyên môn: 800.000 đồng (1.3%)
 - + Chi mua sắm vật tư, đồ dùng dạy học, khấu hao: 800.000 đồng
- Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: 640.000 đồng (1%)
 - + Vật tư văn phòng: 640.000đ
- Thuế TNDN: 1.255.000 đồng (2%)

- Khấu hao TSCĐ (tỷ lệ do trường xác định): 185.000đ

2.3. Kế hoạch chi các khoản thu cho cá nhân học sinh

2.3.1. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: 15.840.000 đồng

- Chi hỗ trợ CSVN phục vụ học sinh bán trú: 15.523.200 đồng (98%)
 - + Mua sắm các thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú trong năm học đối với 1 học sinh: Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú, giường, khăn mặt, bát, đĩa, khay, nồi.....: 36.965.000 đồng.
- Thuế TNDN: 316.800 đồng (2%)

2.3.2. Tiền mua sắm đồng phục học sinh: 12.000.000 đồng

- Chi mua sắm đồng phục cho học sinh: 11.760.000 đồng (98%)
- Thuế TNDN: 240.000 đồng (2%)

2.3.3. Tiền học phẩm: 3.000.000 đồng

- Chi mua học phẩm phục vụ cho hoạt động giáo dục: 2.940.000 đồng (98%)

- Thuế TNDN: 60.000 đồng (2%)

2.3.4. Tiền học cụ - học liệu: 24.000.000 đồng

- Chi mua học cụ, học liệu, tài liệu, đồ chơi cho trẻ thực hiện chương trình GDMN: 23.520.000 đồng. (98%)

-Thuế TNDN: 480.000 đồng (2%)

2.3.5. Tiền suất ăn trưa bán trú: 399.600.000 đồng

- Chi mua thực phẩm các loại, rau củ quả, gas, raourt, thực phẩm kho phục vụ bữa ăn cho học sinh: 391.608.000 đồng (98%)

-Thuế TNDN: 7.992.000 đồng (2%)

2.3.6. Tiền suất ăn sáng: 216.000.000 đồng

- Chi mua thực phẩm các loại, rau củ quả, gas, raourt, thực phẩm kho phục vụ bữa ăn cho học sinh: 211.680.000 đồng (98%)

-Thuế TNDN: 4.320.000 đồng (2%)

2.3.7. Tiền nước uống: 9.180.000 đồng

- Chi mua nước Ionlife: 8.996.400 đồng (98%)

-Thuế TNDN: 183.600 đồng (2%)

Ghi chú: + Số tiền chi có thể chênh lệch phụ thuộc vào tình hình học sinh đăng ký học thực tế mỗi tháng.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG KINH PHÍ THẶNG DƯ

Điều 12: Phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm:

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định 60/2021/NĐ-CP, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, phần thặng dư còn lại đơn vị được tiến hành theo trình tự sau:

1. Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
2. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm;
3. Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi;
4. Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;
5. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Dự kiến số phân phối kết quả tài chính trong năm: 0 đồng

Thu (NS nguồn 13 + học phí + dịch vụ) – Chi (NS nguồn 13 + học phí + dịch vụ) = tồn

Thu (617.934.000 + 86.400.000 + 1.044.103.000) – Chi (617.934.000 + 86.400.000 + 1.044.103.000) = 0 đồng

Điều 13: Sử dụng các quỹ

13.1 Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

13.2 Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm

13.3 Quỹ khen thưởng

13.4. Quỹ phúc lợi

Điều 14: Quy định về việc lựa chọn ngân hàng thương mại:

1. Đơn vị mở tài khoản đối với các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank).

2. Đơn vị mở tài khoản chuyên thu đối với học phí theo mức giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) và định kỳ nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định.

3. Các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, gồm: kinh phí ngân sách nhà nước cấp, các khoản thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí và các khoản khác của ngân sách nhà nước (nếu có) đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để quản lý.

+ Ngân hàng chi trả lương cho nhân viên: Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)

4. Các Quỹ được trích lập theo quy định tại Nghị định này được gửi tiền tại: Không có

Điều 15: Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán; tiêu chuẩn, định mức quy định

Theo Quy định tại Mục 13 Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022: “*Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán; tiêu chuẩn, định mức quy định*”

Trường hợp vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ được xử lý như sau:

1. Nếu vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công có liên quan đến các lĩnh vực đã có quy định của Nhà nước thì phải xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Nếu vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công ngoài vi phạm nêu trên thì tùy theo tính chất, mức độ để xử lý.

CHƯƠNG IV TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG VÀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 16.

1. Thủ trưởng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của các bộ phận trong việc thực hiện các chế độ về tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ đã được ban hành .

b) Quản lý điều hành mọi hoạt động thu chi về tài chính của nhà trường theo đúng quy định.

c) Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn xem xét và giải quyết các quyền lợi liên quan đến công chức, viên chức, người lao động.

d) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

e) Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

f) Thực hiện quy định công khai; trách nhiệm giải trình hoạt động và số liệu thu, chi khi lập phương án tự chủ tài chính của đơn vị trước cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Định kỳ hằng năm, đơn vị có trách

T. P. H. H.

nhiệm báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị cho cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

2. Cán bộ, viên chức có trách nhiệm:

- a) Cán bộ, viên chức đã thống nhất về những nội dung của quy chế chi tiêu nội bộ.
- b) Cán bộ, viên chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ này theo quy định.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

+ Về nguồn thu dịch vụ: Trường tập trung khai thác nguồn thu trong phạm vi cho phép, giáo viên ở các lớp phối hợp cùng kế toán của trường nhắc nhở phụ huynh đóng các khoản tiền hàng tháng đầy đủ và kịp thời để phòng kế toán quyết toán đúng thời gian quy định;

+ Xây dựng định mức chi: Dựa vào tiêu chuẩn định mức của nhà nước quy định từ đó đơn vị thảo luận thống nhất xây dựng mức chi chưa có quy định của nhà nước theo tình hình thực tế và khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

Điều 18. Quy định điều khoản thi hành

Quy chế chi tiêu nội bộ này được nhất với Công đoàn Nhà trường và thảo luận rộng rãi công khai tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Nhà trường và chính thức thông qua Hội đồng Trường trước khi ban hành.

Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/08/2024.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải bổ sung sửa đổi để Quy chế chi tiêu nội bộ ngày một phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

Quy chế này được gửi đến cơ quan tài chính, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước nơi Trường mở tài khoản, thông báo toàn trường theo quy định hiện hành./.

TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

